

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

97 PHẠM HỮU CHÍ PHƯỜNG 12 QUẬN 5

ĐT: 38552354 - FAX: 39550424



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ IV NĂM 2018



NĂM 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU B 01-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	31/12/2017
A . TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		130,244,746,836	199,445,528,543
I . Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	32,462,303,526	50,360,540,017
1. Tiền	111		18,462,303,526	18,660,540,017
2. Các khoản tương đương tiền	112		14,000,000,000	31,700,000,000
3. Tiền đang chuyển				
II . Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	50,596,753,234	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		50,596,753,234	-
III . Các khoản phải thu ngắn hạn	130		24,447,494,255	124,627,056,128
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	20,791,523,130	113,910,796,084
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	3,649,014,710	9,107,224,611
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	2,221,692,184	3,594,126,969
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(2,214,735,769)	(1,985,091,536)
IV . Hàng tồn kho	140	V.7	16,295,325,787	20,068,590,750
Hàng tồn kho	141		16,295,325,787	20,068,590,750
V . Tài sản ngắn hạn khác	150		6,442,870,034	4,389,341,648
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	2,213,660,600	3,289,786,145
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4,229,209,434	1,099,555,503
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.0		-
B . TÀI SẢN DÀI HẠN	200		292,814,137,848	287,712,039,506
I . Các khoản phải thu dài hạn	210		13,292,634	7,901,515
Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	13,292,634	7,901,515
II . Tài sản cố định	220		222,772,919,456	215,821,215,714
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	222,302,125,599	215,164,353,136
Nguyên giá	222		728,842,790,708	679,798,003,772
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(506,540,665,109)	(464,633,650,636)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	470,793,857	656,862,578
Nguyên giá	228		5,074,186,666	4,651,186,666
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4,603,392,809)	(3,994,324,088)
III . Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV . Tài sản dở dang dài hạn	240	V.11	9,690,368,158	12,468,282,925
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		9,690,368,158	12,468,282,925
V . Đầu tư tài chính dài hạn	250		8,330,000	8,330,000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		8,330,000	8,330,000
VI . Tài sản dài hạn khác	260		60,329,227,600	59,406,309,352
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	60,329,227,600	59,406,309,352
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		423,058,884,684	487,157,568,049

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	31/12/2017
C . NỢ PHẢI TRẢ	300		212,339,085,380	275,104,039,872
I . Nợ ngắn hạn	310		169,707,007,695	251,411,870,558
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	106,546,476,852	153,361,303,772
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.0a	6,294,978,937	4,334,289,690
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.0	11,561,878,107	17,221,716,855
Phải trả người lao động	314		15,941,994,299	17,554,600,887
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.0a	12,090,394,702	39,515,227,083
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.0	10,254,644,878	15,483,856,213
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.0	3,737,480,000	1,788,212,721
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.0a	3,279,159,920	2,152,663,337
II . Nợ dài hạn	330		42,632,077,685	23,692,169,314
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.13	16,371,815,341	18,845,260,211
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	23,454,660,986	3,711,736,608
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.15	2,805,601,358	1,135,172,495
D . VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		210,719,799,304	212,053,528,177
I . Vốn chủ sở hữu	410	V.16	210,719,799,304	212,053,528,177
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		130,000,000,000	130,000,000,000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>130,000,000,000</i>	<i>130,000,000,000</i>
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		63,849,723,527	63,113,094,929
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		16,870,075,777	18,940,433,248
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>3,325,468,227</i>	<i>1,341,752,120</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>13,544,607,550</i>	<i>17,598,681,128</i>
II . Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		423,058,884,684	487,157,568,049

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 01 năm 2019


NGUYỄN THỊ KIM LOAN
 Người lập biểu


VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
 Kế toán trưởng



HUYỄN TUẤN ANH
 Giám đốc

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU B 02-DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ IV		LŨY KẾ 12 THÁNG	
			Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017
1 . Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		271,554,291,508	342,267,335,159	1,016,404,447,789	1,077,994,389,217
2 . Các khoản giảm trừ doanh thu	02		5,132,118,646	45,161,833	5,512,509,685	262,876,562
3 . Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	266,422,172,862	342,222,173,326	1,010,891,938,104	1,077,731,512,655
4 . Giá vốn hàng bán	11	VI.2	236,513,949,886	298,543,055,463	940,164,705,411	1,010,690,729,432
5 . Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		29,908,222,976	43,679,117,863	70,727,232,693	67,040,783,223
6 . Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2,490,832,443	698,786,172	3,130,698,753	1,241,415,390
7 . Chi phí tài chính	22	VI.4	599,277,868	173,342,159	1,343,929,448	778,201,669
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		599,277,868	173,342,159	1,343,929,448	778,201,669
8 . Chi phí bán hàng	25	VI.5	5,314,037,756	4,020,619,027	17,247,322,660	13,507,292,184
9 . Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	14,025,227,207	13,765,625,623	40,307,364,921	38,397,997,255
10 . Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		12,460,512,588	26,418,317,226	14,959,314,417	15,598,707,505
11 . Thu nhập khác	31		888,281,072	5,662,678,013	2,244,406,424	7,374,166,497
12 . Chi phí khác	32		488,749,417	874,769,686	600,502,829	986,341,131
13 . Lợi nhuận khác	40	VI.7	399,531,655	4,787,908,327	1,643,903,595	6,387,825,366
14 . Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		12,860,044,243	31,206,225,553	16,603,218,012	21,986,532,871
15 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	675,425,780	3,252,679,248	1,388,181,599	3,252,679,248
16 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		940,740,239	1,135,172,495	1,670,428,863	1,135,172,495
17 . Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		11,243,878,224	26,818,373,810	13,544,607,550	17,598,681,128
18 . Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9a	865	2,063	1,042	1,354
19 . Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9b	865	2,063	1,042	1,354

Thành phố Hồ chí Minh, ngày 17 tháng 01 năm 2019


 NGUYỄN THỊ KIM LOAN
 Người lập biểu


 VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
 Kế toán trưởng³


 HUỖNH TUẤN ANH
 Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)


Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018


MẪU B 03-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2018		2017	
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh						
1. Lợi nhuận trước thuế	01		16,603,218,012		21,986,532,871	
2. Điều chỉnh cho các khoản						
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		45,692,358,185		44,500,206,731	
- Các khoản dự phòng	03		229,644,233		66,440,804	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3,184,100,678)		(4,380,522,495)	
- Chi phí lãi vay	06		1,343,929,448		778,201,669	
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-		-	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước đổi vốn lưu động	08		60,685,049,200		62,950,859,580	
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		97,672,904,864		(97,542,050,293)	
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		3,773,264,963		49,464,845,265	
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(81,343,801,806)		50,466,470,830	
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		153,207,297		(690,473,752)	
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1,343,929,448)		(778,201,669)	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3,520,826,326)		(3,178,813,252)	
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		113,590,000		193,234,127	
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(4,765,429,840)		(6,100,778,401)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		71,424,028,904		54,785,092,435	
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư						
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(53,612,966,535)		(40,146,028,783)	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		73,650,822		62,236,105	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(50,596,753,234)		-	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-		-	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-		-	
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-		-	
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2,272,666,479		1,191,561,223	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(101,863,402,468)		(38,892,231,455)	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính						
1. Tiền thu từ đi vay	33		27,192,140,986		-	
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(5,499,949,329)		(2,199,169,755)	
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(9,151,054,584)		(9,068,336,885)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		12,541,137,073		(11,267,506,640)	
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(17,898,236,491)		4,625,354,340	
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		50,360,540,017		45,735,185,677	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-		-	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	32,462,303,526,479,280		50,360,540,017	

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 01 năm 2019


NGUYỄN THỊ KIM LOAN
 Người lập biểu


VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
 Kế toán trưởng



BUỖN TUẤN ANH
 Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU B 09a-DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn (tên giao dịch: Cho Lon Wasuco JSC) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp nhà nước – Chi nhánh cấp nước Chợ Lớn thuộc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005924 ngày 16 tháng 01 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi như sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 02 tháng 6 năm 2008, chuẩn y việc bổ sung một số ngành nghề kinh doanh.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ hai số 0304797806 ngày 16 tháng 5 năm 2012, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là Ông Lê Trọng Hiếu thay thế Ông Phạm Mạnh Đức.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ ba số 0304797806 ngày 18 tháng 5 năm 2018, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là Ông Huỳnh Tuấn Anh thay thế Ông Lê Trọng Hiếu.

• **Vốn điều lệ** : 130.000.000.000 VND

Số cổ phiếu : 13.000.000 cổ phiếu

Mệnh giá : 10.000 VND/ cổ phiếu

Cơ cấu vốn điều lệ như sau:

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VND)	Tỷ lệ (%)
1	Công ty Cổ phần Địa Ốc Chợ Lớn	118 Hưng Phú, Phường 8, Quận 8, Tp. HCM	300.000	3.000.000.000	2,31
2	Ngân hàng TMCP Đông Á	130 Phan Đăng Lưu, Phường 3, Quận Phú Nhuận, Tp. HCM	276.652	2.766.520.000	2,13
3	Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước Tp. HCM	33 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM	300.500	3.005.000.000	2,31
4	Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	01 Công Trường Quốc Tế, Phường 6, Quận 3, Tp. HCM	6.630.400	66.304.000.000	51,00
	Các cổ đông khác		5.492.448	54.924.480.000	42,25
	Cộng		13.000.000	130.000.000.000	100,00

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính 12 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

• Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84-028) 3 855 2354
Fax : (84-028) 3 955 0424
Mã số thuế : 0 3 0 4 7 9 7 8 0 6

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại, dịch vụ.

3. Ngành, nghề kinh doanh

- Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước, cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng và sản xuất (trên địa bàn được phân công theo quyết định của Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn);
- Tư vấn xây dựng công trình cấp nước – dân dụng – công nghiệp (trừ: khảo sát xây dựng, giám sát thi công);
- Xây dựng công trình cấp nước;
- Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Lập dự án;
- Thẩm tra thiết kế;
- Tái lập mặt đường đối với công trình chuyên ngành cấp nước;
- Giám sát thi công xây dựng công trình cấp thoát nước;
- Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư ngành cấp nước;
- Đại lý ký gửi hàng hóa.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 456 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 448 người).

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 thuộc kỳ kế toán năm thứ 12 của Công ty kể từ ngày chính thức chuyển sang công ty cổ phần.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 12 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 12 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ tài chính.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty thể hiện các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Thu nhập từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 12 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Lãi/lỗ khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

6. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm các khoản phải thu về tiền bán hàng, phải thu tiền thi công xây dựng các công trình, phải thu dịch vụ cung cấp.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm các khoản phải thu tạo ra doanh thu tài chính, như: phải thu lãi tiền gửi; các khoản thu không mang tính thương mại như tạm ứng nhân viên; các khoản ký quỹ, ký cược và các khoản phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra tại ngày lập Báo cáo tài chính đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự. Tăng, giảm số dư dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

8. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu có).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính về "Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013" và Thông tư

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 12 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

số 28/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính về “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định”, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	25 - 50
Máy móc thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 30
Thiết bị văn phòng	03 - 05

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do bán hay thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

9. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện phần mềm máy tính.

Giá trị phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 02 - 03 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi xây dựng cơ bản các công trình, tài sản và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chưa hoàn thành tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới, hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng,... liên quan đến các công trình, tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh của Công ty còn dở dang tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định là toàn bộ chi phí phát sinh thực tế liên quan đến việc sửa chữa, cải tạo,... tài sản cố định. Khi công việc sửa chữa lớn tài sản cố định hoàn thành, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được kết chuyển chi phí vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ (nếu chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định giá trị nhỏ) hoặc chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được kết chuyển vào “Chi phí trả trước dài hạn” để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ (chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định giá trị lớn và liên quan đến nhiều kỳ sản xuất kinh doanh).

11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện khoản trả trước chi phí gắn mới và thay thế đồng hồ nước, chi phí cải tạo ống mục và các chi phí khác.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước ngắn hạn”; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước dài hạn”.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 12 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này như sau:

- Chi phí gắn đồng hồ nước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 5 năm.
- Chi phí thay đồng hồ nước định kỳ, chi phí cải tạo ống mục được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.
- Các chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính từ 2 đến 3 năm.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả là các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, Công ty tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả; các khoản phải trả không mang tính chất thương mại như phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ,...

13. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 12 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phân phối lợi nhuận thuần

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ.

- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
- Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
 - Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

14. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 12 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Lãi tiền gửi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, mà không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ bao gồm giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trong trường hợp sản phẩm, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi nhận giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập Báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

16. Chi phí

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

18. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 12 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Theo biên bản kết luận thanh tra thuế số 1757/KL-CT ngày 14 tháng 12 năm 2015 thì từ kỳ tính thuế năm 2009, Công ty sẽ được áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài Chính cho thời gian còn lại. Do đến hết kỳ tính thuế năm 2008, Công ty đã hết thời gian miễn thuế theo Thông tư số 134/2007/TT-BTC nên mức ưu đãi Công ty được hưởng cụ thể như sau: Thuế suất 10% từ năm 2009 đến năm 2021; giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tính từ năm 2009. Kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018 Công ty đã hết thời gian được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp nên Công ty tính thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 10%.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

19. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 12 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>31/12/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
Tiền mặt	15.458.083	17.995.993
Tiền gửi ngân hàng	18.446.845.443	18.642.544.024
Các khoản tương đương tiền (i)	14.000.000.000	31.700.000.000
Cộng	<u>32.462.303.526</u>	<u>50.360.540.017</u>

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông Thôn Việt Nam - Chi nhánh Chợ Lớn với lãi suất 4.1%/ năm (năm 2017: 5%/ năm).

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	<u>31/12/2018</u>		<u>31/12/2017</u>	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Tiền gửi kỳ hạn 6 tháng Ngân hàng TMCP Sài Gòn (*)	50.596.753.234	50.596.753.234	-	-
Cộng	<u>50.596.753.234</u>	<u>50.596.753.234</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

(*) Tiền gửi kỳ hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn với lãi suất 7.1%/ năm.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>31/12/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	12.951.055.881	104.486.986.997
Các khách hàng liên quan đến dịch vụ cung cấp nước	6.596.064.211	6.593.145.066
Các khách hàng liên quan đến dịch vụ khác	1.244.403.038	2.830.664.021
Cộng	<u>20.791.523.130</u>	<u>113.910.796.084</u>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 12 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

<i>Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</i>					
<i>Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn</i>		12.951.055.881		104.486.986.997	
<i>Xí nghiệp Truyền dẫn Nước sạch</i>		292.958.500		304.812.619	
Cộng		13.244.014.381		104.791.799.616	
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn					
Công ty TNHH ĐTXD - Cấp Thoát Nước & Môi Trường WASEEN		734.715.075		2.196.000.000	
Công ty TNHH MTV Hưng Đại Việt		-		1.238.991.723	
Công ty TNHH Hải Hoàng Dương		1.021.211.847		1.614.682.386	
Công Ty TNHH XDBCN & Đường Ong Hoàng Thăng		-		810.821.820	
Cty CP ĐT TM DV KT Tín Nghĩa		-		455.960.465	
Công ty TNHH MTV BÁ ĐỨC		1.424.379.997		1.702.000.000	
Công Ty CP Tư Vấn XD Cấp Nước		103.158.207		446.849.460	
Các khách hàng khác		365.549.584		641.918.757	
Cộng		3.649.014.710		9.107.224.611	
<i>Trả trước cho người bán là các bên liên quan</i>					
<i>Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Cấp Nước</i>		103.158.207		446.849.460	
Cộng		103.158.207		446.849.460	
5. Phải thu khác					
		31/12/2018		31/12/2017	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Phải thu ngắn hạn khác		2.221.692.184	-	3.594.126.969	-
Phải thu khác là bên liên quan		-	-	2.987.027.416	-
Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn		-	-	2.987.027.416	-
Phải thu khác		2.221.692.184	-	607.099.553	-
Phải thu về khoản cho mượn vật tư - Các phòng ban Công ty cổ phần Cấp Nước Chợ Lớn		882.388.624	-	169.243.868	-
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn		941.469.774	-	83.437.500	-
Phải thu khác		397.833.786	-	255.612.185	-
Tạm ứng		-	-	98.806.000	-
b) Phải thu dài hạn khác		13.292.634	-	7.901.515	-
Ký quỹ dài hạn		13.292.634	-	7.901.515	-
Cộng		2.234.984.818	-	3.602.028.484	-

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 12 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Nợ xấu**

	31/12/2018			31/12/2017		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.041.407.910	2.826.672.141	2.214.735.769	4.402.234.575	2.417.143.039	1.985.091.536
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>	<i>5.041.407.910</i>	<i>2.826.672.141</i>	<i>2.214.735.769</i>	<i>4.402.234.575</i>	<i>2.417.143.039</i>	<i>1.985.091.536</i>
Các khách hàng liên quan đến dịch vụ cung cấp nước, dịch vụ khác	5.041.407.910	2.826.672.141	2.214.735.769	4.402.234.575	2.417.143.039	1.985.091.536
Cộng	5.041.407.910	2.826.672.141	2.214.735.769	4.402.234.575	2.417.143.039	1.985.091.536

- Các khoản nợ xấu liên quan các khoản phải thu của khách hàng bán hàng, cung cấp dịch vụ, xây dựng.... hay các khoản phải thu khác... đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên, hoặc các khách hàng khó có khả năng thanh toán, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự.
- Không có khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm... theo hợp đồng phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu.
- Giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu được xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng đã trích lập.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 12 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

	31/12/2018		31/12/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	16.167.544.542	-	13.608.878.562	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	127.781.245	-	6.459.712.188	-
Cộng	16.295.325.787	-	20.068.590.750	-

8. Chi phí trả trước

	31/12/2018	31/12/2017
a) Chi phí trả trước ngắn hạn	2.213.660.600	3.289.786.145
Công cụ dụng cụ	1.443.860.600	2.492.386.145
Bảo hiểm nhân thọ cho nhân viên	769.800.000	797.400.000
b) Chi phí trả trước dài hạn	60.329.227.600	59.406.309.352
Chi phí sửa chữa văn phòng	127.590.081	186.159.069
Gắn đồng hồ nước theo Nghị định 117	43.602.581.187	40.971.608.997
Thay đồng hồ nước	9.513.146.861	11.325.930.424
Chi phí cải tạo ống mục	833.154.405	235.999.151
Lắp đặt màn sáo	12.941.530	51.766.134
Chi phí cải tạo ống mục phục vụ CTTN	4.997.114.068	2.947.263.633
Công cụ dụng cụ	35.521.955	276.979.203
Phần mềm ARCGIS	996.247.708	2.988.743.128
Xây dựng nhà kho vật tư	210.929.805	421.859.613
Cộng	62.542.888.200	62.696.095.497

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 12 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Cộng
Nguyên giá					
01/01/2018	29.000.000.000	936.718.486	632.169.320.477	17.691.964.809	679.798.003.772
Tăng trong năm	216.148.586	67.990.000	52.658.681.147	1.073.041.875	54.015.861.608
Mua trong năm	-	67.990.000	-	1.073.041.875	1.141.031.875
Đầu tư XD CB hoàn thành	216.148.586	-	52.658.681.147	-	52.874.829.733
Giảm trong năm	-	-	4.971.074.672	-	4.971.074.672
Thanh lý, nhượng bán	-	-	412.735.629	-	412.735.629
Quyết toán lại	-	-	1.774.550.784	-	1.774.550.784
Sửa chữa, tu bổ	-	-	2.783.788.259	-	2.783.788.259
31/12/2018	29.216.148.586	1.004.708.486	679.856.926.952	18.765.006.684	728.842.790.708
Giá trị hao mòn lũy kế					
01/01/2018	1.159.999.997	847.677.646	450.817.590.258	11.808.382.735	464.633.650.636
Tăng trong năm	584.608.736	41.494.114	41.800.092.360	2.657.094.254	45.083.289.464
Khấu hao trong năm	584.608.736	41.494.114	41.800.092.360	2.657.094.254	45.083.289.464
Giảm trong năm	-	-	3.176.274.991	-	3.176.274.991
Thanh lý, nhượng bán	-	-	412.735.629	-	412.735.629
Sửa chữa, tu bổ	-	-	2.763.539.362	-	2.763.539.362
31/12/2018	1.744.608.733	889.171.758	489.441.407.626	14.465.476.992	506.540.665.109
Giá trị còn lại					
01/01/2018	27.840.000.003	89.040.840	181.351.730.219	5.883.582.074	215.164.353.136
31/12/2018	27.471.539.853	115.536.728	190.415.519.326	4.299.529.692	222.302.125.599

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 12 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Khoản mục	Nhà cửa. vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Cộng
01/01/2018	-	742.166.486	260.664.393.820	4.538.556.430	265.945.116.736
31/12/2018	-	801.366.486	279.536.766.250	8.307.711.043	288.645.843.779

10. Tài sản cố định vô hình

	01/01/2018	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	31/12/2018
<i>Phần mềm máy tính</i>				
Nguyên giá	4.651.186.666	423.000.000	-	5.074.186.666
Hao mòn lũy kế	3.994.324.088	609.068.721	-	4.603.392.809
Giá trị còn lại	656.862.578	(186.068.721)		470.793.857

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 12 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>31/12/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
Công trình di dời đường ống	3.421.749.270	3.332.960.847
Công trình chống thất thoát nước	986.897.048	3.033.189.793
Công trình cải tạo ống mục	-	350.541.982
Công trình ống cái	1.441.724.102	1.769.079.945
Phát triển mạng lưới	2.820.694.738	3.982.510.358
Phát triển phần mềm Gis	1.019.303.000	-
Cộng	<u>9.690.368.158</u>	<u>12.468.282.925</u>

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>31/12/2018</u>		<u>31/12/2017</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Tổng Công ty Cấp Nước Sài Gòn	95.768.554.632	95.768.554.632	145.615.297.241	145.615.297.241
Công ty CP ĐT XD & TM Thái Bình Dương	74.106.992	74.106.992	74.106.992	74.106.992
Công ty Cổ Phần Xây dựng số 5 Cty TNHH Đan Vĩ	213.376.887	213.376.887	16.493.437	16.493.437
Cty CP ĐT XD Kỹ Nguyên	6.409.323.688	6.409.323.688	901.542.711	901.542.711
Công ty QL CTGT Sài Gòn	572.315.082	572.315.082	572.315.082	572.315.082
Cty CP Đầu Tư Minh Hòa	454.778.500	454.778.500	-	-
Cty CP XD hạ tầng D.N.A	404.666.871	404.666.871	225.444.322	225.444.322
Nhà cung cấp khác	2.649.354.200	2.649.354.200	3.046.505.588	3.046.505.588
Cộng	<u>106.546.476.852</u>	<u>106.546.476.852</u>	<u>153.361.303.772</u>	<u>153.361.303.772</u>

Phải trả người bán là các bên liên quan

Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn

Cộng

	<u>31/12/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	95.768.554.632	145.615.297.241
Cộng	<u>95.768.554.632</u>	<u>145.615.297.241</u>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 12 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Truy thu tiền thất thoát nước	624.679.257	440.121.156
Tạm thu chi phí thiết kế ống ngành	226.393.390	148.687.998
Tiền nước chưa giải trách	5.390.542.199	3.594.594.439
Khu quản lý giao thông đô thị số 1	19.367.000	19.367.000
Các khách hàng khác	33.997.091	131.519.097
Cộng	6.294.978.937	4.334.289.690

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	01/01/2018	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2018
Thuế GTGT hàng bán nội địa/ dịch vụ cung cấp trong nước	639.456.759	51.934.326.414	51.934.326.414	639.456.759
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.252.679.248	1.388.181.599	3.520.826.326	1.120.034.521
Thuế thu nhập cá nhân	360.675.024	3.159.049.873	3.120.340.246	399.384.651
Tiền thuê đất	4.250.995.800	7.669.315.000	11.920.310.800	-
Các loại thuế khác	-	-	-	-
- Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
- Phí bảo vệ môi trường	8.717.910.024	95.129.379.800	94.444.287.648	9.403.002.176
Cộng	17.221.716.855	159.283.252.686	164.943.091.434	11.561.878.107

Trình bày số dư trên Bảng cân đối kế toán:

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	-	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17.221.716.855	11.561.878.107

• Thuế giá trị gia tăng

Công ty áp dụng thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất áp dụng:

- Cung cấp nước : 5%.
- Cung cấp dịch vụ : 10%.

• Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem Thuyết minh số VI.8.

• Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp các loại thuế khác hàng năm theo qui định hiện hành.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 12 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>31/12/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
Trích trước chi phí thuê thực hiện các công trình phát triển mạng lưới ống nước nghiệm thu nhưng chưa quyết toán.	6.658.888.973	10.679.095.194
Trích trước chi phí gắn đồng hồ nước theo nghị định 117	4.284.122.474	28.442.618.322
Trích trước chi phí gắn Ống cái	186.857.932	349.189.056
Thù lao HDQT	345.600.003	-
Trích trước chi phí cung cấp dịch vụ khác	614.925.320	44.324.511
Cộng	<u>12.090.394.702</u>	<u>39.515.227.083</u>

16. Phải trả khác

a) Phải trả ngắn hạn khác	10.254.644.878	15.483.856.213
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	711.572.719	7.109.095.468
Công ty TNHH MTV CT Giao Thông Công Chánh	70.000.000	110.000.000
Kinh phí công đoàn, các khoản bảo hiểm phải nộp	9.387.138	9.387.138
Nhận ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng	6.109.592.697	5.158.604.073
Phí bảo vệ môi trường được giữ lại để chi	27.396.443	239.749.986
Cổ tức phải trả cho cổ đông	1.065.178.735	1.116.233.319
Các khoản phải trả khác	2.261.517.146	1.740.786.229
b) Phải trả dài hạn khác	16.371.815.341	18.845.260.211
Phải trả khách hàng đầu tư ống cái gắn đồng hồ nước	16.371.815.341	18.845.260.211
Cộng	<u>26.626.460.219</u>	<u>34.329.116.424</u>

Phải trả khác là các bên liên quan

<i>Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn</i>	<i>711.572.719</i>	<i>7.109.095.468</i>
<i>Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Công Chánh</i>	<i>70.000.000</i>	<i>110.000.000</i>
Cộng	<u>781.572.719</u>	<u>7.219.095.468</u>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 12 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**17. Vay và nợ tài chính**

	01/01/2018		Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	31/12/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ			Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay và nợ ngắn hạn	1.788.212.721	1.788.212.721	-	1.788.212.721	3.737.480.000	3.737.480.000
Vay dài hạn đến hạn trả Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn [1]	1.788.212.721	1.788.212.721	-	1.788.212.721		
Vay dài hạn Ngân hàng NN&PTNT đến hạn trả			3.737.480.000	-	3.737.480.000	3.737.480.000
b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	3.711.736.608	3.711.736.608	27.192.140.986	7.449.216.608	23.454.660.986	23.454.660.986
Vay dài hạn Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn [1]	3.711.736.608	3.711.736.608	-	3.711.736.608		
Vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Chợ Lớn [2]	-	-	27.192.140.986	3.737.480.000	23.454.660.986	23.454.660.986
Cộng	5.499.949.329	5.499.949.329	30.929.620.986	9.237.429.329	27.192.140.986	27.192.140.986

Thuyết minh chi tiết vay và nợ theo từng đối tượng:

Khoản vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Chợ Lớn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2018
Trong vòng 1 năm	3.737.480.000
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	17.822.100.000
Sau 5 năm	5.632.560.986
	27.192.140.986
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	-
Số phải trả sau 12 tháng	23.454.660.986

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 12 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>31/12/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
<i>Vay và nợ thuê tài chính là các bên liên quan</i>		
<i>Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn</i>	-	5.499.949.329
Cộng	<u>-</u>	<u>5.499.949.329</u>

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Tại ngày 01 tháng 01	Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	Sử dụng các quỹ trong năm	Tăng khác	Tại ngày 31/12
Năm 2017					
Quỹ khen thưởng	1.743.678.388	2.549.870.877	2.455.143.608	113.100.000	1.951.505.657
Quỹ phúc lợi	538.192.800	2.549.870.877	2.985.547.250	5.650.401	108.166.828
Quỹ thưởng Ban điều hành, quản lý	-	678.594.669	660.087.543	74.483.726	92.990.852
Cộng	<u>2.281.871.188</u>	<u>5.778.336.423</u>	<u>6.100.778.401</u>	<u>193.234.127</u>	<u>2.152.663.337</u>
Năm 2018					
Quỹ khen thưởng	1.951.505.657	2.549.870.877	2.926.230.000	113.590.000	1.688.736.534
Quỹ phúc lợi	108.166.828	2.926.340.546	1.518.567.714		1.515.939.660
Quỹ thưởng Ban điều hành, quản lý	92.990.852	302.125.000	320.632.126		74.483.726
Cộng	<u>2.152.663.337</u>	<u>5.778.336.423</u>	<u>4.765.429.840</u>	<u>113.590.000</u>	<u>3.279.159.920</u>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 12 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	<u>Chi phí trả trước dài hạn</u>
01/01/2017	
Chuyển sang lợi nhuận trong năm	1.135.172.495
31/12/2017	1.135.172.495
Chuyển sang lợi nhuận (lỗ) trong kỳ	1.670.428.863
31/12/2018	2.805.601.358

20. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
01/01/2017	130.000.000.000	57.386.667.692	21.946.515.780	209.333.183.472
Lãi trong năm trước	-	-	17.598.681.128	17.598.681.128
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	5.726.427.237	(5.726.427.237)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(5.778.336.423)	(5.778.336.423)
Chia cổ tức	-	-	(9.100.000.000)	(9.100.000.000)
31/12/2017	130.000.000.000	63.113.094.929	18.940.433.248	212.053.528.177
01/01/2018	130.000.000.000	63.113.094.929	18.940.433.248	212.053.528.177
Lỗ trong kỳ này	-	-	13.544.607.550	13.544.607.550
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	736.628.598	(736.628.598)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(5.778.336.423)	(5.778.336.423)

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 12 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Chia cổ tức	-	-	(9.100.000.000)	(9.100.000.000)
31/12/2018	130.000.000.000	63.849.723.527	16.870.075.777	210.719.799.304

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ ba số **0304797806** ngày 18 tháng 5 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp vốn điều lệ của Công ty là 130.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 03 ngày 18/5/2018		31/12/2018	31/12/2017
	VND	%	VND	VND
Công ty Cổ phần Địa Ốc Chợ Lớn	3.000.000.000	2.31	3.000.000.000	3.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đông Á	2.766.520.000	2.13	2.766.520.000	2.766.520.000
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước Tp. HCM	3.005.000.000	2.31	3.005.000.000	3.005.000.000
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	66.304.000.000	51.00	66.304.000.000	66.304.000.000
Các cổ đông khác	54.924.480.000	42.25	54.924.480.000	54.924.480.000
Cộng	130.000.000.000	100.00	130.000.000.000	130.000.000.000

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 12 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ phiếu

	<u>31/12/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.000.000	13.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.000.000	13.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.000.000</i>	<i>13.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.000.000	13.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.000.000</i>	<i>13.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu.

Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 04/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2018 như sau:

	<u>Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018</u>	<u>Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017</u>
Chia cổ tức cho các cổ đông	9.100.000.000	9.100.000.000
Trích quỹ đầu tư phát triển	736.628.598	5.726.427.237
Trích quỹ khen thưởng	2.549.870.877	2.549.870.877
Trích quỹ phúc lợi	2.926.340.546	2.549.870.877
Trích quỹ thưởng Ban điều hành, quản lý	302.125.000	678.594.669
Cộng	<u>15.614.965.021</u>	<u>20.604.763.660</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018</u>	<u>Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017</u>
Doanh thu cung cấp nước	993.183.820.771	1.048.239.510.499
Doanh thu cung cấp dịch vụ	17.708.117.333	29.492.002.156
Cộng	<u>1.010.891.938.104</u>	<u>1.077.731.512.655</u>

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn cung cấp nước	924.294.850.158	997.300.342.785
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	15.869.855.253	13.390.386.647
Cộng	<u>940.164.705.411</u>	<u>1.010.690.729.432</u>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 12 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	3.089.489.837	1.162.882.466
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	41.208.916	78.156.524
Cổ tức, lợi nhuận được chia		376.400
Cộng	3.130.698.753	1.241.415.390

4. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay	1.343.929.448	778.201.669
Cộng	1.343.929.448	778.201.669

5. Chi phí bán hàng

Chi phí nhân viên	11.866.003.689	10.441.217.636
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	2.043.411.715	776.121.316
Chi phí khấu hao	880.463.990	871.064.698
Chi phí bằng tiền khác	2.457.443.266	1.418.888.534
Cộng	17.247.322.660	13.507.292.184

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên	20.547.809.736	21.252.851.285
Chi phí nguyên vật liệu		124.390.190
Chi phí đồ dùng văn phòng	3.587.533.532	3.416.392.145
Chi phí khấu hao	3.850.771.711	4.057.926.000
Thuế, Phí và lệ phí	211.440.159	908.332.767
Thuê đất	1.650.840.600	713.097.000
Chi phí dự phòng giảm giá	229.644.233	66.440.804
Chi phí dịch vụ mua ngoài	426.833.357	324.529.865
Chi phí bằng tiền khác	9.802.491.593	7.534.037.199
Cộng	40.307.364.921	38.397.997.255

7. Lợi nhuận (lỗ) khác

Thu nhập khác	2.244.406.424	7.374.166.497
Thu nhập bán hồ sơ mời thầu	10.000.001	72.727.280
Thu nhập khách hàng đầu tư ống cái không hoàn lại	1.120.027.565	1.966.587.804
Xử lý công nợ tồn đọng	320.050.752	2.023.945.026
Thanh lý TSCĐ	73.650.822	62.236.105
Khảo sát cung cấp đường ống cấp thoát nước	6.536.000	25.046.000
Thu phí định mức nước, bồi thường di dời hệ thống cấp nước	559.712.674	3.076.871.000
Thu nhập khác	154.428.610	146.753.282

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 12 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí khác	600.502.829	986.341.131
Chi phí hồ sơ mời thầu	7.692.000	
Thanh lý TSCĐ		
Chi phí đầu tư không hoàn vốn ổng cái	531.800.033	1.196.472.729
Chi phí bồi thường, di dời		(336.881.939)
Chi phí khác	61.010.796	126.750.341
Lợi nhuận (lỗ) khác thuần	1.643.903.595	6.387.825.366

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017
Lợi nhuận (lỗ) trước thuế	16.603.218.012	21.986.532.871
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch	11.475.653.801	(6.586.429.346)
- Đối với hoạt động kinh doanh khác	5.127.564.211	28.572.962.217
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(9.428.599.563)	(6.448.660.175)
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	9.428.599.563	6.448.660.175
Chênh lệch tạm thời khoản chi phí trả trước	9.428.599.563	6.448.660.175
Thu nhập không chịu thuế khác	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	725.523.545
Chi phí trích trước chưa có hóa đơn chứng từ	-	-
Chi phí phạt nộp chậm, truy thu thuế	-	-
Chi phí không liên qua hoạt động sản xuất kinh doanh		239.523.545
Lương HDQT không trực tiếp tham gia điều hành		486.000.000
Tỷ lệ ưu đãi đầu tư kinh doanh nước sạch	23%	24%
Thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế)	7.174.618.449	16.263.396.241
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch được ưu đãi	467.420.908	(2.950.319.608)
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch không được ưu đãi	1.579.633.330	(9.359.246.368)
- Đối với hoạt động kinh doanh khác	5.127.564.211	28.572.962.217
Thuế suất áp dụng		
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh được ưu đãi	10%	5%
- Đối với hoạt động kinh doanh khác	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.388.181.599	3.252.679.248
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.388.181.599	3.252.679.248

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Đối với hoạt động chính của Công ty thuộc danh mục ngành nghề ưu đãi đầu tư. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế trong thời gian 10 năm và với thuế suất phổ thông trên thu nhập chịu thuế trong các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 3 năm tiếp theo kể từ năm 2007.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 12 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Theo biên bản kết luận thanh tra thuế số 1757/KL-CT ngày 14 tháng 12 năm 2015 thì từ kỳ tính thuế năm 2009. Công ty sẽ được áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài Chính cho thời gian còn lại. Do đó đến hết kỳ tính thuế năm 2008. Công ty đã hết thời gian miễn thuế theo Thông tư số 134/2007/TT-BTC nên mức ưu đãi Công ty được hưởng cụ thể như sau: Thuế suất 10% từ năm 2009 đến năm 2021; giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tính từ năm 2009.

Kỳ kế toán năm 2018 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 Công ty đã hết thời gian được hưởng ưu đãi giảm thuế 50% nên Công ty tính thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 10% đối với thu nhập từ hoạt động quản lý phát triển hệ thống cấp thoát nước.

Đối với hoạt động khác, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018</u>	<u>Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017</u>
Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	13.544.607.550	17.598.681.128
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	<u>13.544.607.550</u>	<u>17.598.681.128</u>
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	13.000.000	13.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>1.042</u>	<u>1.354</u>

b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	13.544.607.550	17.598.681.128
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	<u>13.544.607.550</u>	<u>17.598.681.128</u>
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu	-	-
Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	<u>13.544.607.550</u>	<u>17.598.681.128</u>
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	13.000.000	13.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 12 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cộng: Số lượng cổ phiếu bình quân do ảnh hưởng của cổ phiếu có thể được chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi

Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng

Lãi suy giảm trên cổ phiếu

-	-
13.000.000	13.000.000
1.042	1.354

Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017
Chi phí nước sạch	730.503.009.319	709.111.563.222
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.691.803.964	6.618.589.539
Chi phí nhân công	103.613.125.393	104.020.195.457
Chi phí khấu hao tài sản cố định	45.692.358.185	44.500.206.731
Chi phí dịch vụ mua ngoài	47.948.005.670	57.609.861.205
Chi phí bằng tiền khác	58.271.090.461	140.735.602.717
Cộng	997.719.392.992	1.062.596.018.871

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong kỳ nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017
Cổ tức phải trả	1.065.178.735	1.116.623.691
Lãi tiền gửi còn dự thu	941.469.774	83.437.500

2. Các khoản giao dịch bằng tiền có ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong kỳ nên được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Lãi tiền gửi ngân hàng còn dự thu cuối kỳ trước đã thu trong kỳ này	83.437.500	33.583.333
Cổ tức năm trước được chi trả trong kỳ này	1.116.233.319	1.084.960.576
Thanh toán trước tiền mua tài sản cố định	-	17.942.280.968

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. **Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan**

Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 12 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bên liên quan

Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn
Công ty Công trình Giao thông Công Chánh
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Cấp Nước
Xí nghiệp Truyền dẫn Nước sạch

Mối quan hệ

Công ty mẹ (nắm giữ 51% vốn điều lệ)
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

	<u>Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018</u>	<u>Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017</u>
<i>Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn</i>		
Mua hàng hóa (nước sạch)	730.503.009.319	709.111.563.222
Mua vật tư	4.636.179.000	14.692.408.240
Thuê tài sản hoạt động	47.521.172.313	57.285.331.340
Lãi vay phải trả	387.650.731	778.201.669
Phải trả XDDB và TSCĐ		5.201.461.725
Phải trả tiền dịch vụ khác	69.681.818	118.600.000
Phải thu do chi hộ		174.845.990
Phải thu thi công trực cứu hỏa	(63.386.495)	
Phải thu cho thuê TSCĐ huyện Bình Chánh	5.311.645.272	3.000.941.426
Phải thu do chuyển nhượng ĐHN huyện Bình Chánh		82.492.664.487
Phải thu do cung cấp dịch vụ khác		8.925.853.671
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
<i>Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Cấp Nước</i>		
Phải trả phí thực hiện lập báo cáo đầu tư và khảo sát, tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát công trình	1.004.631.836	244.377.603
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
<i>Công ty Công trình giao Thông Công Chánh</i>		
Phải trả ký quỹ, bảo lãnh thực hiện hợp đồng		
Phải thu do cung cấp dịch vụ	-	45.454.545
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
<i>Công ty CP TV Công trình giao Thông Công Chánh</i>		
Phải trả ký quỹ, bảo lãnh thực hiện hợp đồng		
Phải thu do cung cấp dịch vụ	717.510.157	-
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
<i>Xí nghiệp Truyền Dẫn Nước sạch</i>		
Phải thu cung cấp dịch vụ	(10.776.471)	292.797.381
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 12 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan như sau:

	<u>31/12/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn		
Phải thu thương mại	12.951.055.881	104.486.986.997
Phải thu các khoản chi hộ	-	2.987.027.416
Phải trả thương mại	(95.768.554.632)	(145.615.297.241)
Phải trả phí thực hiện công trình XDCB, gia công đồng hồ nước	(711.572.719)	(7.109.095.468)
Phải trả tiền vay	-	(5.499.949.329)
Công ty Công trình Giao thông Công Chánh		
Phải trả đặt cọc di dời đường ống	(70.000.000)	(110.000.000)
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Cấp Nước		
Ứng trước phí thực hiện lập báo cáo đầu tư và khảo sát, tự thiết kế, tư vấn giám sát công trình	103.158.207	446.849.460
Xí nghiệp Truyền dẫn Nước sạch		
Phải thu cung cấp dịch vụ	292.958.500	304.812.619

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong kỳ như sau:

	<u>Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018</u>	<u>Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017</u>
Tiền lương	2.114.642.410	1.893.044.960
Các khoản bảo hiểm phải trả	86.772.535	77.739.486
Cộng	2.534.772.535	1.970.784.446

2. Báo cáo theo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Công ty lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

Bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý của Công ty được xác định theo địa điểm của tài sản của Công ty. Doanh thu bán hàng ra bên ngoài trình bày trong bộ phận theo khu vực địa lý được xác định dựa trên địa lý của khách hàng của Công ty.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 12 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động: Bộ phận cung cấp nước sạch và bộ phận lắp đặt, di dời đồng hồ nước và các dịch vụ khác. Tuy nhiên, Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực cung cấp nước sạch các lĩnh vực còn lại chiếm tỷ lệ nhỏ, không đáng kể.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty đều diễn ra ở khu vực hoạt động kinh doanh của Công ty (Quận 5, Quận 6, Quận 8, Quận Bình Tân).

3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm nợ thuần (các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số V.17 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Các loại công cụ tài chính

	31/12/2018		31/12/2017	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.462.303.526	32.462.303.526	50.360.540.017	50.360.540.017
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	50.605.083.234	50.605.083.234	8.330.000	8.330.000
Phải thu của khách hàng	18.576.787.361	18.576.787.361	111.925.704.548	111.925.704.548
Phải thu khác	954.762.408	954.762.408	3.078.366.431	3.078.366.431
Cộng	102.598.936.529	102.598.936.529	165.372.940.996	165.372.940.996
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	106.546.476.852	106.546.476.852	153.361.303.772	153.361.303.772
Chi phí phải trả	12.090.394.702	12.090.394.702	39.515.227.083	39.515.227.083
Phải trả khác	26.589.676.638	26.589.676.638	34.079.979.300	34.079.979.300
Các khoản vay	27.192.140.986	27.192.140.986	5.499.949.329	5.499.949.329
Cộng	172.418.689.178	172.418.689.178	232.456.459.484	232.456.459.484

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 12 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bất buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính như sau:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay tương đương với giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi) của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ ngắn hạn.
- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính mà không đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá (rủi ro ngoại tệ), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các rủi ro thị trường liên quan đến hoạt kinh doanh và cho rằng Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của tỷ giá và sự thay đổi về giá khác.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay.

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng...).

Phải thu khách hàng

Công ty có chính sách tín dụng phù hợp cho từng đối tượng khách hàng, cụ thể ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 12 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

thời hạn nợ và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi nợ, tiến hành phân tích tuổi nợ. Đánh giá tồn thất nợ phải thu do không có khả năng thu hồi và đồng thời xem xét trích lập dự phòng phải thu khó đòi (nếu có) trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng quá hạn, khó đòi tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ theo quy định hiện hành.

Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào đối với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín trong nước. Ban Giám đốc Công ty không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu từ các khoản tiền gửi này.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
31/12/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.462.303.526	-	-	32.462.303.526
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	50.596.753.234	8.330.000	-	50.605.083.234
Phải thu của khách hàng	18.576.787.361	-	-	18.576.787.361
Phải thu khác	941.469.774	13.292.634	-	954.762.408
Cộng	102.577.313.895	21.622.634	-	102.598.936.529
Phải trả cho người bán	106.546.476.852	-	-	106.546.476.852
Chi phí phải trả	12.090.394.702	-	-	12.090.394.702
Phải trả khác	10.217.861.297	16.371.815.341	-	26.589.676.638

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 12 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Các khoản vay	3.737.480.000	23.454.660.986	-	27.192.140.986
Cộng	132.592.212.851	39.826.476.327	-	172.418.689.178
Chênh lệch thanh khoản thuần	(30.014.898.956)	(39.804.853.693)	-	(69.819.752.649)
31/12/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	50.360.540.017	-	-	50.360.540.017
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	8.330.000	-	8.330.000
Phải thu của khách hàng	111.925.704.548	-	-	111.925.704.548
Phải thu khác	3.070.464.916	7.901.515	-	3.078.366.431
Cộng	165.356.709.481	16.231.515	-	165.372.940.996
Phải trả cho người bán	153.361.303.772	-	-	153.361.303.772
Chi phí phải trả	39.515.227.083	-	-	39.515.227.083
Phải trả khác	15.234.719.089	18.845.260.211	-	34.079.979.300
Các khoản vay	1.788.212.721	3.711.736.608	-	5.499.949.329
Cộng	209.899.462.665	22.556.996.819	-	232.456.459.484
Chênh lệch thanh khoản thuần	(44.542.753.184)	(22.540.765.304)	-	(67.083.518.488)

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức cao do các công nợ tài chính cao hơn tài sản tài chính. Tuy nhiên, Ban Giám đốc tin rằng hoạt động kinh doanh của Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

4. Điều chỉnh các sai sót:

Theo thông báo kết quả kiểm toán số 13/TB-KV IV ngày 08 tháng 01 năm 2019 của Đoàn kiểm toán nhà nước. Trong đó, đoàn KTNN đã có điều chỉnh báo cáo tài chính năm 2017 như sau:

Phải thu ngắn hạn tăng do tăng doanh thu năm 2017 số tiền 1.525.740.075 đồng của 167 khách hàng do đơn vị áp sai giá bán nước theo quyết định 103/QĐ-UBND ngày 24/12/2009 về quy định về giá bán nước sạch trên địa bàn TP.HCM (Bao gồm giá trị trước thuế, thuế GTGT phải nộp, tăng phí bảo vệ môi trường)

Chi phí trả trước dài hạn tăng do:

Tăng chi phí trả trước dài hạn chờ phân bổ chi phí bản quyền phần mềm do đơn vị phân bổ không phù hợp với thời gian sử dụng, tương ứng giảm chi phí số tiền 170.413.332 đồng

Tăng chi phí trả trước dài hạn của công tác gắn đồng hồ nước số tiền 1.486.694.686 đồng do điều chỉnh thời điểm phân bổ, tương ứng làm giảm chi phí gắn đồng hồ nước là 1.486.694.686 đồng

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 12 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tăng chi phí trả trước dài hạn của công tác thay đồng hồ nước định kỳ số tiền 1.924.982.352 đồng do điều chỉnh thời điểm phân bổ., tương ứng giảm chi phí thay đồng hồ nước định kỳ là 1.924.982.352 đồng

Tăng chi phí quản lý doanh nghiệp số tiền 573.120.234 đồng do: tăng số kê khai thuế GTGT đầu vào vượt định mức hao hụt giảm theo quy định tại điểm c khoản 1 điều 6 thông tư 75/2012-TTLT-BTC-BXD-BNNPTNT ngày 15/05/2012 của liên bộ về nguyên tắc xác định giá nước. Loại trừ thuế GTGT đầu vào được khấu trừ đồng thời tăng thuế GTGT phải nộp.

Với các điều chỉnh nêu trên đã làm ảnh hưởng đến số dư của các tài khoản trên báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2017 như sau:

Bảng cân đối kế toán	31/12/2017 (Đã báo cáo trước)	Điều chỉnh	31/12/2017 (Sau điều chỉnh)
TÀI SẢN			
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	112.385.056.009	1.326.730.500	113.910.796.084
Chi phí trả trước dài hạn	55.824.218.982	3.5825.090.370	59.406.309.352
NGUỒN VỐN			
Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	15.384.220.961	1.837.495.894	17.221.716.855
Lợi nhuận chưa phân phối	15.614.965.021	3.325.468.227	18.940.433.248
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh			
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.076.667.658.717	1.326.730.500	1.077.994.389.217
Giá vốn bán hàng	1.014.102.406.470	3.411.677.038	1.010.690.729.432
Chi phí quản lý doanh nghiệp	37.995.290.353	402.706.902	38.397.997.255
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.187.313.163	1.065.366.085	3.252.679.248
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	1.190.306.171	(55.133.676)	1.135.172.495

5. Các sự kiện phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2018

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 01 năm 2019

NGUYỄN THỊ KIM LOAN
Người lập biểu

VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
Kế toán trưởng

HUỲNH TUẤN ANH
Giám đốc

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 12 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97 Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tăng chi phí trả trước dài hạn của công tác thay đồng hồ nước định kỳ số tiền 1.924.982.352 đồng do điều chỉnh thời điểm phân bổ, tương ứng giảm chi phí thay đồng hồ nước định kỳ là 1.924.982.352 đồng

Tăng chi phí quản lý doanh nghiệp số tiền 573.120.234 đồng do: tăng số kê khai thuế GTGT đầu vào vượt định mức hao hụt giảm theo quy định tại điểm c khoản 1 điều 6 thông tư 75/2012-TTLT-BTC-BXD-BNNPTNT ngày 15/05/2012 của liên bộ về nguyên tăng xác định giá nước. Loại trừ thuế GTGT đầu vào được khấu trừ đồng thời tăng thuế GTGT phải nộp.

Với các điều chỉnh nêu trên đã làm ảnh hưởng đến số dư của các tài khoản trên báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2017 như sau:

Bảng cân đối kế toán	31/12/2017 (Đã báo cáo trước)	Điều chỉnh	31/12/2017 (Sau điều chỉnh)
TÀI SẢN			
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	112.385.056.009	1.326.730.500	113.910.796.084
Chi phí trả trước dài hạn	55.824.218.982	3.5825.090.370	59.406.309.352
NGUỒN VỐN			
Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	15.384.220.961	1.837.495.894	17.221.716.855
Lợi nhuận chưa phân phối	15.614.965.021	3.325.468.227	18.940.433.248
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh			
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.076.667.658.717	1.326.730.500	1.077.994.389.217
Giá vốn bán hàng	1.014.102.406.470	3.411.677.038	1.010.690.729.432
Chi phí quản lý doanh nghiệp	37.995.290.353	402.706.902	38.397.997.255
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.187.313.163	1.065.366.085	3.252.679.248
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	1.190.306.171	(55.133.676)	1.135.172.495

5. Các sự kiện phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2018

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 01 năm 2019


NGUYỄN THỊ KIM LOAN
Người lập biểu


VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
Kế toán trưởng



HUỲNH TUẤN ANH
Giám đốc

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính 12 tháng

BẢN GIẢI TRÌNH CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH QUÍ IV NĂM 2018

Theo báo cáo kết quả kinh doanh quý 4 năm 2018 của Công Ty Cổ Phần Cấp Nước Chợ Lớn, những chỉ tiêu có tỷ lệ thay đổi tăng, giảm làm ảnh hưởng đến lợi nhuận của quý 4 năm 2018 như sau:

I. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ:

a. Phân tích chỉ tiêu:

Chỉ tiêu (A)	Quý IV năm 2018 (1)	Quý IV năm 2017 (2)	Chênh lệch (3)=(1)-(2)	Tỷ lệ (4)=(1)/(2)
Doanh thu bán hàng gồm:	261,962,153,658	327,260,072,055	(65,297,918,397)	80.05%
Doanh thu nước	259,421,313,046	241,766,466,142	17,654,846,904	107.30%
Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động	2,540,840,612	3,000,941,426	(460,100,814)	84.67%
Doanh thu chuyển nhượng ĐHN		82,492,664,487	(82,492,664,487)	
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4,460,019,204	14,962,101,271	(10,502,082,067)	29.81%
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	266,422,172,862	342,222,173,326	(75,800,000,464)	77.85%

b. Thuyết minh:

Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ quý 4 năm 2018 giảm so với quý 4 năm 2017 là 75.800.000.464 đồng, tỷ lệ giảm 22,1% do:

1. Doanh thu bán hàng quý 4 năm 2018 giảm so với quý 4/2017 là 65.297.918.397 đồng, tỷ lệ giảm 19,95% do:

1.1 Doanh thu nước tăng 17.654.846.904 đồng, tỷ lệ tăng 107,3% do:

Sản lượng nước cung cấp quý 4 năm 2018 tăng so với quý 4 năm 2017 là 1.071.449 m³, tỷ lệ tăng 104,16% làm cho doanh thu tăng 10.190.580.100 đồng.

Giá bán bình quân quý 4 năm 2018 tăng so với quý 4 năm 2017 là 211,48 đồng/m³, tỷ lệ tăng 102,3% làm cho doanh thu tăng 5.448.136.361 đồng

Doanh thu truy thu tiền nước quý 4/2018 cao hơn quý 4/2017 là 2.016.130.443 đồng, tỷ lệ tăng 192,05%

1.2 Doanh thu chuyển nhượng ĐHN địa bàn Bình Chánh năm 2018 giảm 82.492.664.487 đồng do ngày 21/06/2017, Công ty đã chuyển giao mạng lưới cấp nước và ĐHN trên địa bàn huyện Bình Chánh về Tổng Công ty Cấp Nước Sài Gòn.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động năm 2018 giảm so với 2017 là 460.100.814 đồng, tỷ lệ giảm 15,3% do năm 2017, Cty hạch toán toàn bộ doanh thu cho thuê TSCĐ 6 tháng cuối năm vào quý 4/2017 nhưng năm 2018 Cty hạch toán và phân bổ đều vào từng quý trong năm.

2. Doanh thu cung cấp dịch vụ quý 4 năm 2018 giảm so với quý 4 năm 2017 là 10.502.082.067 đồng, tỷ lệ giảm 70,19%, do số lượng khách hàng yêu cầu cung cấp dịch vụ gần mới, dời, bồi thường giảm so với quý 4/2017

II. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

a. Phân tích chỉ tiêu:

Chỉ tiêu (A)	Quý IV năm 2018 (1)	Quý IV năm 2017 (2)	Chênh lệch (3)=(1)-(2)	Tỷ lệ (4)=(1)/(2)
Giá vốn hàng bán nước	232,225,862,151	295,007,586,014	(62,781,723,863)	78.72%
Giá vốn hàng bán cung cấp dịch vụ	4,288,087,735	3,535,469,449	752,618,286	121.29%
Cộng	236,513,949,886	298,543,055,463	(62,029,105,577)	79.22%

Trong đó chi tiết giá vốn nước:

Chỉ tiêu (A)	Quý IV năm 2018 (1)	Quý IV năm 2017 (2)	Chênh lệch (3)=(1)-(2)	Tỷ lệ (4)=(1)/(2)
Chi phí nguyên vật liệu – nước sạch	176,773,752,452	162,450,205,414	14,323,547,038	108.82%
Chi phí nguyên vật liệu khác	983,535,394	1,208,331,169	(224,795,775)	81.40%



Chỉ tiêu	Quý IV năm 2018	Quý IV năm 2017	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Chi phí nhân công	23,414,529,760	25,768,455,653	(2,353,925,893)	90.87%
Chi phí khấu hao tài sản	10,425,334,748	9,919,610,603	505,724,145	105.10%
Chi phí thuê tài sản hoạt động	11,461,649,602	14,669,160,214	(3,207,510,612)	78.13%
Chi phí gắn và thay đồng hồ nước	3,437,476,721	78,582,476,442	(75,144,999,721)	4.37%
Chi phí chống thất thoát nước	2,642,023,616	1,461,489,595	1,180,534,021	180.78%
Chi phí sửa bể	2,762,302,433	591,570,398	2,170,732,035	466.94%
Chi phí khác	325,257,425	356,286,526	(31,029,101)	91.29%
Tổng chi phí sản xuất	232,225,862,151	295,007,586,014	-62,781,723,863	78.72%
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu kỳ	0	0	-	
Giá vốn đã cung cấp	232,225,862,151	295,007,586,014	(62,781,723,863)	78.72%

b. Thuyết minh

Tổng giá vốn bán hàng quý 4 năm 2018 thấp hơn so với quý 4 năm 2017 là 62.029.105.577 đồng, tỷ lệ giảm 20.78% do:

1. Tổng giá vốn nước quý 4 năm 2018 giảm so với quý 4 năm 2017 là 62.781.723.863 đồng, tỷ lệ giảm 21,28% do:

Chi phí mua si nước sạch tăng 14.323.547.038 đồng, tỷ lệ tăng 108,82% do:

Sản lượng nước mua si quý 4 năm 2018 tăng so với quý 4 năm 2017 là 3.169.228 m³, tỷ lệ tăng 109,62%, làm cho chi phí mua si nước sạch tăng 15.950.375.909 đồng

Giá mua si nước sạch tăng 98,68 đồng/m³, tỷ lệ tăng 102% làm cho chi phí mua si nước sạch tăng 3.249.517.006 đồng

Tổng sản lượng nước tiêu thụ vượt kế hoạch 2018 cao hơn năm 2017 là 10.044.003 m³ điều này làm cho chi phí mua si nước sạch giảm do áp giá ưu đãi là 4.876.345.877 đồng

2. Chi phí nhân công quý 4 năm 2018 giảm so với quý 4 năm 2017 là 2.353.925.8936 đồng, tỷ lệ giảm 9,13%

3. Chi phí thuê TSCĐ quý 4 năm 2018 giảm so với quý 4 năm 2017 là 3.207.510.612 đồng, tỷ lệ giảm 21,87%.

4. Chi phí gắn và thay ĐHN quý 4 năm 2018 giảm so với quý 4 năm 2017 là 75.144.999.721 đồng, tỷ lệ giảm 95,6% do năm 2017, Công ty chuyển nhượng ĐHN huyện Bình Chánh cho Tổng Công ty Cấp Nước Sài Gòn vì vậy Công ty đã hạch toán toàn bộ chi phí gắn ĐHN của huyện Bình Chánh năm 2015, 2016, 2017 vào chi phí để tương ứng với doanh thu chuyển nhượng ĐHN

5. Chi phí CTTN quý 4/2018 tăng so với quý 4/2017 là 1.180.534.021đ, tỷ lệ tăng 180,78% do quý 4 Công ty đã tập trung công tác CTOM và thay thế ĐHT để giảm tỷ lệ thất thoát nước.

7. Chi phí sửa bể quý 4/2018 tăng cao so với quý 4/2017 là 2.170.732.035 đồng, tỷ lệ tăng 466,94% do năm 2018 ngoài việc Công ty tự thực hiện dò và sửa bể, Công ty thuê đơn vị ngoài thực hiện công tác dò bể nhằm kéo giảm tỷ lệ thất thoát nước

III. CHI PHÍ BÁN HÀNG

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Quý IV năm 2018	Quý IV năm 2017	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Chi phí nhân công	4,217,594,444	3,042,163,370	1,175,431,074	138.64%
Chi phí công cụ dụng cụ	358,141,352	404,522,965	(46,381,613)	88.53%
Chi phí khấu hao	187,526,395	231,703,410	(44,177,015)	80.93%
Chi phí dịch vụ mua ngoài + CP khác	550,775,565	342,229,282	208,546,283	160.94%
Cộng	5,314,037,756	4,020,619,027	1,293,418,729	132.17%

b. Thuyết minh:

Chi phí bán hàng quý 4 năm 2018 cao hơn quý 4/2017 là 1.293.418.729 đồng, tỷ lệ tăng 132,17% do:

1. Chi phí nhân công tăng 1.175.431.074 đồng, tỷ lệ tăng 138,64%

2. Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác tăng 208.546.283 đồng, tỷ lệ 160,94%, tăng chủ yếu là chi phí in mẫu ấn chỉ và văn phòng phẩm

030
CỘ
CỘ
ÁP
HC
TF

IV. CHI PHÍ QUẢN LÝ

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Quý IV năm 2018	Quý IV năm 2017	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Chi phí nhân công	7,140,632,535	7,927,293,250	(786,660,715)	90.08%
Chi phí công cụ dụng cụ	1,031,454,186	1,253,069,574	(221,615,388)	82.31%
Chi phí khấu hao	925,536,589	1,153,357,078	(227,820,489)	80.25%
Thuế, phí chuyển tiền	655,291,954	408,416,810	246,875,144	160.45%
Chi phí dự phòng	229,644,233	66,440,804	163,203,429	345.64%
Chi phí dịch vụ mua ngoài + CP khác	4,042,667,710	2,957,048,107	1,085,619,603	136.71%
Cộng	14,025,227,207	13,765,625,623	259,601,584	101.89%

b. Thuyết minh:

Chi phí quản lý doanh nghiệp quý 4 năm 2018 tăng so với quý 4 năm 2017 là 259.601.584 đồng, tỷ lệ tăng 101,89% chủ yếu do:

- Chi phí nhân công giảm: 786.660.715 đồng, tỷ lệ giảm 9,92%
- Chi phí công cụ dụng cụ giảm 221.615.388 đồng, tỷ lệ giảm 17,69%
- Chi phí KHTSCĐ giảm 227.820.489 đồng, tỷ lệ giảm 19,75%
- Thuế, phí chuyển tiền tăng 246.875.144 đồng, tỷ lệ tăng 160,45%, do: năm 2018 chi phí thuế đất cao hơn 233.910.500 đồng do năm 2018 giá thuê đất cao hơn năm 2017 là 302.800 đồng/m².
- Chi phí dịch vụ mua ngoài + CP khác quý 4/2018 tăng so với quý 4 năm 2017 là 1.085.619.603 đồng, tỷ lệ tăng 136,71%, do năm 2018, Công ty hạch toán khoản chi tham quan nghỉ mát là 1.645.243.939 đồng vào chi phí, năm 2017 chi phí tham quan, nghỉ mát hạch toán vào quỹ phúc lợi.

V. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Quý IV năm 2018	Quý IV năm 2017	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	2,479,352,049	683,149,200	1,796,202,849	362.93%
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	11,480,394	15,636,972	(4,156,578)	73.42%
Cộng	2,490,832,443	698,786,172	1,792,046,271	356.45%

b. Thuyết minh:

Lãi tiền gửi ngân hàng quý 4 năm 2018 tăng so với quý 4 năm 2017 là 1.792.046.271 đồng, tỷ lệ tăng 356,45% do quý 4 năm 2017 lượng tiền gửi có kỳ hạn cao nên lãi suất cao hơn so với quý 4 năm 2017

VI. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Quý IV năm 2018	Quý IV năm 2017	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Lãi vay	599,277,868	173,342,159	425,935,709	345.72%
Cộng	599,277,868	173,342,159	425,935,709	345.72%

b. Thuyết minh:

Chi phí hoạt động tài chính quý 4 năm 2018 tăng so với quý 4 năm 2017 là 425.935.709 đồng, tỷ lệ tăng 345,72% do năm 2018 Công ty đã vay của Ngân hàng NN&PTNT số tiền 27.192.140.986 đồng.

VII. THU NHẬP KHÁC

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Quý IV năm 2018	Quý IV năm 2017	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Thu hồ sơ mời thầu	2,727,273	2,727,273	-	100%
Thu tiền KH đầu tư ổng cái	556,702,200	408,056,963	148,645,237	136.43%
Thu tiền thanh lý tài sản		62,236,105	(62,236,105)	

Chỉ tiêu	Quý IV năm 2018	Quý IV năm 2017	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Xử lý công nợ tiền nước		2,023,945,026	(2,023,945,026)	
Xử lý công nợ	69,229,035			100%
Khảo sát cung cấp đường ống cấp thoát nước	200,000	25,046,000	(24,846,000)	0.80%
Thu bồi thường di dời hệ thống cấp nước		3,076,871,000	(3,076,871,000)	
Thu khác	259,422,564	63,795,646	195,626,918	406.65%
Cộng	888,281,072	5,662,678,013	(4,843,625,976)	15.69%

b. Thuyết minh:

Thu nhập khác của quý 4/2018 giảm so với quý 4/2017 là 4.843.625.976 đồng, tỷ lệ giảm 84,31% do quý 4/2018, không phát sinh khoản thu bồi thường di dời hệ thống cấp nước và xử lý công nợ tiền nước do khách hàng thanh toán trùng, thừa...

IIX. CHI PHÍ KHÁC

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Quý IV năm 2018	Quý IV năm 2017	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Đăng báo mời thầu	2,700,000		2,700,000	100%
Chi phí bồi thường di dời		(336,881,939)	336,881,939	
Chi phí ống cái do KH đầu tư không hoàn vốn	459,988,033	1,175,949,549	(715,961,516)	39.12%
Chi phí khác	26,061,384	35,702,076	(9,640,692)	73%
Cộng	488,749,417	874,769,686	(386,020,269)	55.87%

b. Thuyết minh:

Chi phí khác của quý 4/2018 giảm so với quý 4/2017 là 386.020.269 đồng, tỷ lệ giảm 44,1% chủ yếu do chi phí đầu tư ống cái khách hàng không hoàn vốn giảm 715.961.516 đồng, tỷ lệ giảm 60,88%.

IX. LỢI NHUẬN:

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Quý IV năm 2018	Quý IV năm 2017	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Lợi nhuận trước thuế TNDN	12,860,044,243	31,206,225,553	(18,346,181,310)	41.21%
Thuế TNDN quý 4/2018	675,425,780	3,252,679,248	(2,577,253,468)	20.77%
Thuế TNDN hoãn lại quý 4/2018	940,740,239	1,135,172,495	(194,432,256)	82.87%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	11,243,878,224	26,818,373,810	(15,574,495,586)	41.93%

b. Thuyết minh:

Qua phân tích các chỉ tiêu doanh thu - chi phí nêu trên thì lợi nhuận trước thuế của quý 4/2018 thấp hơn lợi nhuận quý 4 năm 2017 là 18.346.181.310 đồng, tỷ lệ giảm 58,79%

LẬP BIỂU


NGUYỄN THỊ KIM LOAN

KẾ TOÁN TRƯỞNG


VŨ THỊ NHƯ QUỲNH

Quận 5, ngày 17 tháng 01 năm 2019
GIÁM ĐỐC

HUỲNH TUẤN ANH

